HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 02/2020/NQ-HĐND	*Phú Yên, ngày 10 tháng 7 năm 2020*

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định chức danh, số lượng, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, buôn, khu phố; mức bồi dưỡng người trực tiếp tham gia công việc của thôn, buôn, khu phố; mức khoán kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã trên địa bàn tỉnh Phú Yên

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN KHOÁ VII, KỲ HỌP THỨ 17

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Dân quân tự vệ ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Công an nhân dân ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội ngày 20 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế ngày 14 tháng 11 năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế ngày 13 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Pháp lệnh Công an xã ngày 21 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Công an xã;

Căn cứ Nghị định số 03/2016/NĐ-CP ngày 05 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Dân quân tự vệ;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 13/2019/TT-BNV ngày 06 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Xét Tờ trình số 78/TTr-UBND ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định về chức danh, số lượng, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, buôn, khu phố; mức bồi dưỡng người trực tiếp tham gia công việc của thôn, buôn, khu phố; mức khoán kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã trên địa bàn tỉnh Phú Yên; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định về chức danh, số lượng, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, buôn, khu phố; mức bồi dưỡng người trực tiếp tham gia công việc của thôn, buôn, khu phố; mức khoán kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 152/2010/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2010 của HĐND tỉnh và Nghị quyết số 102/2013/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2013 của HĐND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung Nghị quyết số 152/2010/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2010 của HĐND tỉnh về số lượng, chức danh cán bộ, công chức cấp xã, chức danh, mức phụ cấp cho những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và thôn, buôn, khu phố trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên Khóa VII, Kỳ họp thứ 17 thông qua ngày 10 tháng 7 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 20 tháng 7 năm 2020./.

TM. CHỦ TỌA

PHÓ CHỦ TỊCH HĐND TỈNH
Trần Văn Cư

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Về chức danh, số lượng, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, buôn, khu phố; mức bồi dưỡng người trực tiếp tham gia công việc của thôn, buôn, khu phố; mức khoán kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã trên địa bàn tỉnh Phú Yên

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 02 /2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này Quy định về chức danh, số lượng, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã), ở thôn, buôn, khu phố; mức bồi dưỡng người trực tiếp tham gia công việc của thôn, buôn, khu phố; mức khoán kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, buôn, khu phố; người trực tiếp tham gia công việc của thôn, buôn, khu phố.

2. Các tổ chức chính trị - xã hội; cơ quan quản lý nhà nước; tổ chức, cá nhân có liên quan.

Chương II
NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH Ở CẤP XÃ

Điều 3. Chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã

1. Phó Trưởng công an (không là công an chính quy);
2. Phó Chỉ huy trưởng quân sự;
3.Văn phòng Đảng ủy;
4. Tổ chức - Kiểm tra - Tuyên giáo - Dân vận;
5. Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
6. Phó Bí thư Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh;
7. Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp phụ nữ;
8. Phó Chủ tịch Hội Nông dân;
9. Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh;
10. Chủ tịch Hội Người cao tuổi;
11. Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ;
12. Công an viên thường trực (không là công an chính quy);
13. Thủ quỹ - Văn thư - Lưu trữ;
14. Phụ trách Đài truyền thanh - Dân số - Gia đình và Trẻ em;

15. Giao thông - Thủy lợi - Nông - Lâm - Ngư nghiệp;

16. Chăn nuôi - Thú y.

Điều 4. Số lượng, bố trí người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã

1. Số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã được bố trí theo Quyết định phân loại đơn vị hành chính cấp xã. Cụ thể như sau:

a) Loại 1: 14 người;

b) Loại 2: 12 người;

c) Loại 3: 10 người.

2. Bố trí người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã:

a) Đối với các xã, phường, thị trấn bố trí Phó Trưởng Công an, Công an viên thường trực là công an chính quy thì số lượng người hoạt động không chuyên trách cấp xã vẫn thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều này.

b) Trên cơ sở đề nghị của Đảng ủy, Ủy ban nhân dân cấp xã; Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ vào khung chức danh quy định tại Điều 3 để xem xét, có ý kiến việc bố trí người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ và tình hình thực tế của địa phương, nhưng số lượng không vượt quá quy định tại Khoản 1 Điều này. Không nhất thiết bố trí tối đa số lượng theo quy định, khuyến khích thực hiện bố trí kiêm nhiệm.

Điều 5. Mức phụ cấp những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã

1. 05 chức danh hưởng phụ cấp hàng tháng bằng hệ số 1,55 mức lương cơ sở:

a) Phó Trưởng công an (không là công an chính quy);

b) Phó Chỉ huy trưởng quân sự;

c) Văn phòng Đảng ủy;

d) Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;

đ) Thủ quỹ - Văn thư - Lưu trữ.

2. 11 chức danh hưởng phụ cấp hàng tháng bằng hệ số 1,42 mức lương cơ sở:

a) Tổ chức - Kiểm tra - Tuyên giáo - Dân vận;

b) Phó Bí thư Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh;

c) Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp phụ nữ;

d) Phó Chủ tịch Hội Nông dân;

đ) Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh;

e) Chủ tịch Hội Người cao tuổi;

g) Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ;

h) Công an viên thường trực (không là công an chính quy);

i) Phụ trách Đài truyền thanh - Dân số - Gia đình và Trẻ em;

k) Giao thông - Thủy lợi - Nông - Lâm - Ngư nghiệp;

l) Chăn nuôi - Thú y.

Chương III
NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH, NGƯỜI TRỰC TIẾP THAM GIA CÔNG VIỆC Ở THÔN, BUÔN, KHU PHỐ

Điều 6. Chức danh, số lượng người hoạt động không chuyên trách ở thôn, buôn, khu phố

1. Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, buôn, khu phố có 03 chức danh:

a) Bí thư chi bộ thôn, buôn, khu phố;

b) Trưởng thôn, buôn, khu phố;

c) Trưởng Ban công tác mặt trận thôn, buôn, khu phố.

2. Bố trí không quá 03 người đảm nhiệm 03 chức danh không chuyên trách ở thôn, buôn, khu phố, gồm: Bí thư chi bộ; Trưởng thôn, buôn, khu phố; Trưởng Ban công tác mặt trận thôn, buôn, khu phố.

Điều 7. Mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, buôn, khu phố

1. Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, buôn, khu phố hưởng mức phụ cấp hàng tháng như sau:

a) Bí thư chi bộ thôn, buôn, khu phố: Hệ số 1,42 mức lương cơ sở.

b) Trưởng thôn, buôn, khu phố: Hệ số 1,42 mức lương cơ sở.

c) Trưởng Ban công tác mặt trận thôn, buôn, khu phố: Hệ số 1,22 mức lương cơ sở.

2. Đối với thôn, buôn có từ 350 hộ gia đình trở lên; thôn, buôn thuộc xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền, mức phụ cấp hàng tháng như sau:

a) Bí thư chi bộ thôn, buôn: Hệ số 1,75mức lương cơ sở.

b) Trưởng thôn, buôn: Hệ số 1,75 mức lương cơ sở.

c) Trưởng Ban công tác mặt trận thôn, buôn: Hệ số 1,5 mức lương cơ sở.

Điều 8. Mức bồi dưỡng đối với người trực tiếp tham gia vào công việc của thôn, buôn, khu phố

1. Các chức danh sau đây khi trực tiếp tham gia công việc của thôn, buôn, khu phố được hưởng mức bồi dưỡng 0,05 mức lương cơ sở/người/ngày, gồm: Phó Trưởng thôn, buôn, khu phố; Công an viên ở thôn, buôn (không là công an chính quy); Chi hội trưởng Hội người cao tuổi; Chi hội trưởng Hội Phụ nữ, Chi hội trưởng Hội Nông dân, Chi hội trưởng Hội Cựu chiến binh, Bí thư Chi đoàn thanh niên; Phó Bí thư Chi bộ thôn, buôn, khu phố; Chi ủy viên Chi bộ thôn, buôn, khu phố; Người cốt cán (người có uy tín) ở các thôn, buôn có tỷ lệ người dân tộc thiểu số từ 50% trở lên.

2. Tổng số tiền bồi dưỡng thanh toán hàng tháng đối với người trực tiếp tham gia vào công việc của thôn, buôn, khu phố:

a) Phó Trưởng thôn, buôn, khu phố; Công an viên ở thôn, buôn tối đa không quá 0,75 mức lương cơ sở/người/tháng.

b) Người cốt cán tối đa không quá 0,25 mức lương cơ sở/người/tháng.

c) Tổng cộng 07 chức danh còn lại tối đa không quá 1,75 mức lương cơ sở/tháng.

Chương IV

PHỤ CẤP KIÊM NHIỆM, BẢO HIỂM XÃ HỘI, BẢO HIỂM Y TẾ, KHOÁN KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG ĐỐI VỚI CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI CẤP XÃ

Điều 9. Phụ cấp kiêm nhiệm chức danh

1. Cán bộ, công chức cấp xã kiêm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã kiêm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; người hoạt động không chuyên trách ở thôn, buôn, khu phố kiêm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn, buôn, khu phố mà số lượng giảm đi tương ứng thì được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm bằng 50% mức phụ cấp của chức danh kiêm nhiệm.

2. Các trường hợp kiêm nhiệm ở cấp xã phải có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với chức danh kiêm nhiệm. Một người giữ nhiều chức danh thì được hưởng mức phụ cấp của chức danh cao nhất và hưởng phụ cấp kiêm nhiệm bằng 50% mức phụ cấp chức danh cao nhất trong số các chức danh kiêm nhiệm còn lại.

3. Phụ cấp kiêm nhiệm chức danh không dùng để tính đóng, hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

Điều 10. Chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế

Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã tham gia và hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội, Luật Bảo hiểm y tế.

Ngân sách nhà nước hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, buôn, khu phố bằng 3% mức lương cơ sở (trừ những trường hợp đang được hưởng chế độ bảo hiểm y tế).

Điều 11. Khoán kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã

Khoán kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã thực hiện theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 55/2016/NQ-HĐND ngày 15 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên, trường hợp Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành nghị quyết khác thay thế Nghị quyết này thì thực hiện theo quy định mới.

Chương V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 12. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Thực hiện từ nguồn ngân sách trung ương theo quy định tại Nghị định số 34/2019/NĐ-CP và nguồn ngân sách địa phương theo quy định của Luật ngân sách nhà nước.

2. Các chế độ, chính sách quy định tại Nghị quyết này được xác định theo mức lương cơ sở, trường hợp Trung ương có thay đổi, cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức thì thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Trách nhiệm thi hành

Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị quyết này, trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, cá nhân kịp

thời báo cáo, kiến nghị đến Ủy ban nhân dân tỉnh để xem xét, trình Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành quy định mới phù hợp với tình hình thực tế./.

TM. CHỦ TỌA

PHÓ CHỦ TỊCH HĐND TỈNH
Trần Văn Cư